TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 783/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cảm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06/06/2019 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 405/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3554/2019/QĐ-PT ngày 06/08/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Vương Kiến Q, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: 29/1 đường B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh T2, Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty luật hợp danh The Light thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Tô Thị Thùy T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: 28/14 đường L, Phường N, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Tô Thị Thùy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Vương Kiến Q trình bày:

Ông và bà Tô Thị Thùy T kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18; Quyển số 01/2018 do UBND xã C, huyện O, thành phố Hà Nội cấp ngày 17/4/2008. Từ khi kết hôn cho đến năm 2012 cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Bà T có những ứng xử với gia đình chồng mang tính cực đoan, thù địch, không có sự tôn trọng cha mẹ chồng và các thành viên trong gia đình. Ông Q và bà T đã ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay. Do không còn tình cảm với bà T và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vương Minh T1, sinh ngày 23/10/2011, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn bà Tô Thị Thùy T trình bày:

Bà T thừa nhận thời gian kết hôn đúng như lời trình bày của ông Q.

Việc ông Q xin ly hôn, bà T không đồng ý vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, mâu thuẫn chính là giữa cha mẹ chồng và vợ chồng bà, vì gia đình chồng ở vùng quê có nhiều phong tục lạc hậu, tư tưởng phong kiến, cổ hủ, mẹ chồng luôn có những định kiến, thái độ cay nghiệt đối với con dâu, không T1 cháu nội, ông Q là người nhu nhược và là con trai duy nhất trong gia đình nên bị áp lực từ phía gia đình buộc phải ly hôn với bà nên bà không đồng ý vì bà T vẫn còn tình cảm với ông Q, vợ chồng vẫn có thể sống hạnh phúc với nhau. Đề nghị Tòa giải quyết bảo vệ quyền lợi cho bà T và con có một gia đình có ba và mẹ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vương Minh T1, sinh ngày 23/10/2011, nếu Tòa xử ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng 8.000.000 đồng/tháng, mỗi năm tăng 10% tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 405/2019/HNGĐ-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) ; Điểm a Khoản 5; điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Vương Kiến Q.

-Về hôn nhân: Ông Vương Kiến Q được ly hôn bà Tô Thị Thùy T.

-Về con chung: Giao con chung tên Vương Minh T1, sinh ngày: 23/10/2011 cho bà Tô Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Vương Kiến Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha , mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/4/2019, bị đơn bà Tô Thị Thùy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Lê Thanh T trình bày :

Ông Q đã nhiều lần liên tục nộp đơn xin ly hôn tại Tòa chứng tỏ ông Q mong muốn xin được ly hôn với bà T. Trong cuộc sống, bà T không tôn trọng chồng nhưng luôn cho rằng còn yêu T1 chồng là không chính xác vì xuyên suốt trong quá trình diễn biến tại phiên Tòa hôm nay bà T đều trình bày chỉ là nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con không hề có ý kiến để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn hay vợ chồng còn tình cảm với nhau . Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm cho ông Q được ly hôn với bà T.

Về yêu cầu nuôi con chung không có ý kiến tranh luận nhưng về mức cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm vì mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng là hợp lý đối với thu nhập của ông Q.

Nguyên đơn, ông Vương Kiến Q đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Tô Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên Tòa hôm nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T ngày càng trầm trọng, kéo dài. Bản án sơ thẩm đã tuyên về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho ông Q ly hôn với bà T là có cơ sở.

Về mức cấp dưỡng: Đề nghị y án sơ thẩm, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Tô Thị Thùy T không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2008 của Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội cấp cho ông Vương Kiến Q và bà Tô Thị Thùy T ngày 17/4/2008 đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông Q và bà T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T không đồng ý ly hôn:

Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, chủ yếu mâu thuẫn chính là giữa gia đình chồng, mẹ chồng với vợ chồng bà, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy tuy lời trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng không

thống nhất với nhau nhưng thực tế mâu thuẫn giữa các bên là có. Thời gian ly thân đã lâu, ông Q và bà T đã từng nộp đơn xin ly hôn, Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q để tạo cho vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn lại mâu thuẫn nhưng các bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, dù đã biết mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ đâu nhưng cả ông Q và bà T đều không có biện pháp khắc phục, bà T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Qua đó, cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung thiếu sự quan tâm, chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nhận thấy bản án sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con:

Bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung tên Vương Minh T1, sinh ngày 23/10/2011 mỗi tháng 8.000.000 đồng để lo tiền chi phí học tập, sinh hoạt của con. Những năm tiếp theo, số tiền cấp dưỡng sẽ tăng thêm 10% vì lý do lạm phát của đồng tiền, thu nhập mỗi năm của ông Q sẽ tăng và nhu cầu sinh hoạt của con mỗi năm cũng sẽ tăng.

Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm lo việc học tập, giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Căn cứ vào bảng lương mà ông Q cung cấp cho Tòa thì thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/ tháng, bà T cho rằng vì quyền lợi của con ông Q phải có nghĩa vụ kiếm thêm công việc để tăng thêm thu nhập lo cho con có cuộc sống tốt hơn. Xét đây là ý kiến riêng của cá nhân bà T. Việc bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/ tháng và mỗi năm tăng thêm 10% là quá cao so với mức thu nhập của ông Q . Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con chung của bà T, giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con chung mà ông Q đưa ra tại cấp sơ thẩm là 3.000.000 đồng/ tháng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Thùy T, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị Thùy T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 405/2019/HNGĐ-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vương Kiến Q

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Kiến Q được ly hôn với bà Tô Thị Thùy T.

- Về con chung: Giao con chung tên Vương Minh T1, sinh ngày: 23/10/2011 cho bà Tô Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Vương Kiến Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2.2 .Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Vương Kiến Q chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0037932 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, ông Vương Kiến Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Tô Thị Thùy T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0038350 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương **Phan Trịnh Minh Đức** **Lưu Thị Thủy Tiên**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên